

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
T. KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 31/2018/DSST

Ngày 11/5/2018

Về việc: “*Tranh chấp dân sự về vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Huy Liệu**

2. Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thành Minh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: tham gia phiên tòa có ông **Lương Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 về: “*Tranh chấp dân sự về vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1978 (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Đặng Quốc H**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Chị **Võ Thị Ánh N**, sinh năm 1986 (có mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện HĐ, KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24 ngày 11 năm 2017 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị L** trình bày:

Vào khoảng tháng 02/2017, anh H có đến nhà tôi hỏi mượn đỡ 40.000.000 đồng để lấy bia bán tết, sau khoảng 10 ngày sẽ trả lại cho tôi. Nhưng đến hạn tôi có đến nhà gặp vợ chồng anh H để đòi tiền thì anh H chỉ trả cho tôi được 8.000.000 đồng. Đến

ngày 25/7/2017, tôi lại tiếp tục đến gặp vợ chồng anh H yêu cầu trả tiền thì chị N có viết tờ cam kết mỗi tháng sẽ trả cho tôi số tiền 3.200.000 đồng đến khi hết nợ, nhưng sau đó chị N chỉ trả cho tôi được một tháng là 3.000.000 đồng và từ đó đến nay thì không trả nữa. Như vậy anh H, chị N đã trả cho tôi hai lần là 11.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là $40.000.000đ - 11.000.000đ = 29.000.000$ đồng.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xem xét giải quyết, buộc vợ chồng anh H, chị N phải trả cho tôi số tiền còn lại là 29.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi.

** Qua các lời khai tại Tòa, bị đơn chị Võ Thị Ánh N trình bày:*

Việc vay mượn tiền giữa chị L và anh H như thế nào tôi không biết. Bản thân tôi cũng đã bị anh H lừa hết lần này đến lần khác, khi mắc nợ nhiều quá anh H mới năn nỉ tôi đồng ý cho bán nhà để trả nợ, nhưng sau khi bán được nhà thì H ôm tiền bỏ đi. Sau đó anh H nói tôi nếu có ai đến đòi nợ thì tôi cứ viết giấy cam kết trả nợ đi rồi anh H sẽ gửi tiền về trả nên khi chị L đến đòi nợ thì tôi mới viết cam kết trả nợ cho chị L, tuy nhiên đến nay anh H cũng không gửi tiền về cho tôi lần nào.

Nay tôi không đồng ý trả nợ cho chị L vì số tiền này anh H vay mượn của chị L, tôi không có khả năng trả nợ vì bây giờ tôi phải làm để nuôi hai đứa con.

Tôi cũng đã thông báo cho anh H biết việc chị L khởi kiện đòi nợ và tôi yêu cầu anh H về trả nợ nhưng anh H không về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện của mình.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD phát biểu quan điểm: Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, công bố chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, HĐXX, thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị HĐXX xem xét khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đặng Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp L đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Mặc dù, việc anh Đặng Quốc H vay tiền của chị Nguyễn Thị L, hai bên không lập giấy tờ gì thể hiện thời gian vay, số tiền vay và lãi suất cho vay như thế nào. Tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ và lời khai có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở xác định rằng: Vào khoảng tháng 02/2017, anh Đặng Quốc H có vay của chị Nguyễn Thị L số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để lấy bia bán tết, hai bên không lập giấy tờ. Sau đó, anh H có trả cho chị L được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Đến ngày 25/7/2017, chị Võ Thị Ánh N có viết Tờ cam kết với nội dung: "...Tôi có nhận trả nợ cho chồng tôi là ông Đặng Quốc H với số tiền là 32.000.000 đồng, tôi có hứa với bà L trả hàng tháng là 3.200.000 đồng..." . Sau khi làm tờ cam kết chị N trả cho chị L được một tháng là 3.000.000 đồng và từ đó đến nay thì không trả nữa nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định rằng chị không biết việc anh H vay tiền của chị L và không biết vay số tiền bao nhiêu, tuy nhiên chị N thừa nhận mình có viết và ký vào Tờ cam kết nhận nợ với chị L đúng như Tờ cam kết chị L đã cung cấp cho Tòa án (BL 03) và sau khi làm Tờ cam kết chị đã thực hiện trả được một tháng là 3.000.000 đồng. Như vậy chứng tỏ vào thời điểm chị L yêu cầu trả nợ thì chị N có biết việc anh H còn thiếu nợ chị L số tiền 32.000.000 đồng nên chị mới tự nguyện viết giấy nhận nợ và đồng ý trả nợ cho chồng là Đặng Quốc H. Do đó, nay chị L khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H, chị N trả cho chị số tiền còn lại 29.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu tính lãi.

Chị Võ Thị Ánh N cho rằng, chị và anh H không có đăng ký kết hôn và anh H có thông báo cho chị biết đã trả tiền lãi cho chị L rất nhiều lần. Xét thấy mặc dù chị N và anh H không có đăng ký kết hôn nhưng vào thời điểm anh H vay tiền của chị L thì anh chị đang sống chung với nhau, anh H thì vay tiền để kinh doanh bia, nước ngọt để sinh lợi nhuận, còn chị N thì bán quán nhậu. Do đó, HĐXX xác định đây là nợ chung của chị N và anh H nên anh chị PH có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị L. Đối với việc chị N cho rằng anh H đã trả lãi rất nhiều cho chị L nhưng chị N không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho việc trả lãi này, phía anh H cũng có biết việc chị L khởi

kiện yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền 29.000.000 đồng còn lại nhưng anh H không về để chứng minh nên HĐXX không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ về quan điểm giải quyết vụ án; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, buộc anh H và chị N phải trả cho chị L số tiền 29.000.000 đồng.

Về án phí: Anh H và chị N phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đối với anh Đặng Quốc H và chị Võ Thị Ánh N.

Buộc anh Đặng Quốc H và chị Võ Thị Ánh N phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền **29.000.000 đồng** (*Hai mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người pH thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí DSST:

- Anh Đặng Quốc H và chị Võ Thị Ánh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.450.000 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

- Chị Nguyễn Thị L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 725.000 đồng (Bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000588 ngày 29/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đặng Quốc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Dương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc